

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẮC CẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Xuân Nam
Ông Đỗ Xuân Bình
Ông Phạm Văn Hạnh

Chức vụ

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên

Ban điều hành

Ông Đỗ Xuân Bình
Ông Tống Văn Bình
Ông Nguyễn Việt Cường
Ông Lã Quang Dũng

Chức vụ

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2017

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Xuân Bình	Giám đốc	Ngày 08 tháng 04 năm 2016

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành,

Đỗ Xuân Bình
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Số: 023 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Giá trị quyết toán Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt đã được phê duyệt theo Quyết định số 38/QĐ/HĐQT-DLĐKBK ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã thực hiện việc đối chiếu, xác nhận đầy đủ số dư các khoản công nợ phải trả người bán, trả trước cho người bán... Nhưng do một số nhà thầu chưa hợp tác trong quá trình quyết toán Dự án, dẫn đến công tác đối chiếu xác nhận công nợ của Công ty đối với các nhà thầu này gặp khó khăn. Tại thời điểm lập Báo cáo kiểm toán, một số nhà thầu (Liên danh Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Thành Nam; Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ và Thương mại Việt Nam (Vintratec) chỉ mới ký Biên bản với Công ty việc cam kết đối chiếu công nợ phải trả, ứng trước cho nhà cung cấp và trả nợ tiền tạm ứng công trình Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt trước ngày 31 tháng 3 năm 2017. Vì vậy, khoản công nợ phải trả số tiền 3.114.759.141 đồng và ứng trước cho người bán số tiền 9.829.242.929 đồng liên quan các đối tượng trên của Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt (như thuyết minh số 7 và 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính) chưa đối chiếu xác nhận cũng như chưa thanh toán thu hồi được. Hiện tại, Công ty đã thực hiện việc khởi kiện các nhà thầu này ra Tòa án dân sự để giải quyết thu hồi công nợ nhưng chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ ứng trước này do chưa có quyết định cuối cùng của Tòa án. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư công nợ ứng trước số tiền 9.829.242.929 đồng và phải trả số tiền 3.114.759.141 đồng của các đối tượng nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu trong Báo cáo tài chính về khoản mục ứng trước cho nhà thầu, phải trả người bán, dự phòng phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận kế toán trước thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cũng có ý kiến kiểm toán ngoại trừ nội dung đối chiếu xác nhận và trích lập dự phòng công nợ ứng trước như đã nêu trên.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Ngày 05 tháng 03 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3272-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.318.531.322	13.333.807.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.018.232.057	765.902.340
1. Tiền	111		936.982.303	213.374.562
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.081.249.754	552.527.778
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.503.523.983	11.886.850.362
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.286.561.470	1.486.639.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	9.986.313.292	9.954.863.292
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	230.649.221	445.347.221
III. Hàng tồn kho	140		348.726.480	294.142.414
1. Hàng tồn kho	141	9	348.726.480	294.142.414
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		448.048.802	386.912.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	301.023.792	239.887.477
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	15	147.025.010	147.025.010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.391.637.030	88.605.006.756
I. Tài sản cố định	220		80.343.195.609	85.165.595.427
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	78.786.907.399	83.609.307.217
- Nguyên giá	222		108.080.743.184	108.069.664.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.293.835.785)	(24.460.356.944)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.556.288.210	1.556.288.210
- Nguyên giá	228		1.556.288.210	1.556.288.210
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.289.918.908	1.531.683.924
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.289.918.908	1.531.683.924
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.758.522.513	1.907.727.405
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.758.522.513	1.907.727.405
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		99.710.168.352	101.938.814.359

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.145.720.942	28.946.659.966
I. Nợ ngắn hạn	310		12.830.884.271	11.705.888.495
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.465.722.320	3.774.325.500
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	510.168.441	364.210.654
3. Phải trả người lao động	314		747.046.747	677.243.200
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	143.691.020	160.459.723
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.032.442.625	1.797.836.300
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	4.925.934.800	4.925.934.800
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.878.318	5.878.318
II. Nợ dài hạn	330		12.314.836.671	17.240.771.471
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	12.314.836.671	17.240.771.471
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.564.447.410	72.992.154.393
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	74.564.447.410	72.992.154.393
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		86.423.000.000	85.236.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.423.000.000	85.236.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(38.679.273)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		52.904.862	52.904.862
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.872.778.179)	(12.296.750.469)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.296.750.469)	(12.466.697.309)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		423.972.290	169.946.840
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		99.710.168.352	101.938.814.359


Phạm Thị Doan
Người lập
Bắc Kạn, ngày 05 tháng 03 năm 2018


Lê Quang Dũng
Kế toán trưởng


Đỗ Xuân Bình
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	18.014.246.744	18.235.826.988
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		18.014.246.744	18.235.826.988
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	12.497.974.271	12.946.037.391
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.516.272.473	5.289.789.597
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	38.659.274	42.386.791
7. Chi phí tài chính	22	24	1.552.634.100	1.835.433.426
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		1.552.634.100	1.835.433.426
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.578.325.357	3.579.578.849
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		423.972.290	(82.835.887)
10. Thu nhập khác	31		-	252.782.727
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	252.782.727
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		423.972.290	169.946.840
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		423.972.290	169.946.840
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	50	20


 Phạm Thị Doan
 Người lập
 Bắc Kạn, ngày 05 tháng 03 năm 2018


 Lê Quang Dũng
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	423.972.290	169.946.840
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	4.833.478.841	4.841.119.992
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(38.659.274)	(242.469.518)
Chi phí lãi vay	6	1.552.634.100	1.835.433.426
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	6.771.425.957	6.604.030.740
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	459.149.878	2.295.979.575
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(54.584.066)	1.319.963.641
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.178.490.377	(3.785.581.039)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	88.068.577	(385.581.021)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.569.402.803)	(1.866.843.102)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(38.679.273)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.834.468.647	4.181.968.794
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(881.863.404)	(1.067.859.137)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	200.082.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.659.274	42.386.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(843.204.130)	(825.389.619)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.187.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.925.934.800)	(4.925.934.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.738.934.800)	(4.925.934.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.252.329.717	(1.569.355.625)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	765.902.340	2.335.257.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.018.232.057	765.902.340


Phạm Thị Doan
Người lập
Bắc Kạn, ngày 05 tháng 03 năm 2018


Lê Quang Dũng
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập ngày 16 tháng 12 năm 2009 và được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700191357 ngày 16 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 21 tháng 06 năm 2017 với tổng số vốn điều lệ là 86.423.000.000 đồng.

Chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là:

	Vốn đã góp đến ngày cuối năm	
	VND	(%)
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt	81.436.000.000	94,23
Công ty Cổ phần 19-8	1.000.000.000	1,16
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	2.870.000.000	3,32
Cá nhân khác	1.117.000.000	1,29
Cộng	86.423.000.000	100,00

Trụ sở theo Đăng ký kinh doanh tại: Thôn Bản Chiêng, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 29 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 31 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty gồm: Sản xuất kinh doanh điện năng, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây lắp các công trình điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực điện; Khai thác, chế biến, mua-bán khoáng sản; Trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Tư vấn, tổng thầu tư vấn đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: Lập và kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Kiểm tra chất lượng thiết bị, vật tư, thi công xây lắp, nghiệm thu bàn giao và thanh quyết toán các công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bên liên quan

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần 19-8, Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng là cổ đông góp vốn.

Ban điều hành và Hội đồng Quản trị của Công ty.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Do giá trị quyết toán của Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt được duyệt có sự thay đổi giảm so với dự toán cũng như thấp hơn số dư công nợ đã xuất hóa đơn nên các nhà thầu chưa thống nhất quyết toán phần thực hiện dự án cũng như chưa xác nhận đối chiếu số dư công nợ với Công ty. Vì vậy, Công ty cũng chưa đánh giá được khả năng thu hồi các khoản tạm ứng cho các nhà thầu cao hơn so với quyết toán để xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ trả trước này. Hiện tại Công ty đã khởi kiện các nhà thầu còn công nợ với Công ty ra Tòa án Dân sự để giải quyết tranh chấp và thu hồi công nợ; phán quyết cuối cùng của Tòa án sẽ là cơ sở để Công ty thực hiện hạch toán chính xác công nợ phải thu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan khác đến việc mua; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng khu vực hồ thủy điện được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao hàng năm như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng là vô thời hạn do vậy Công ty không thực hiện trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần ghi giảm là chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu như: chi phí kiểm toán tăng vốn và chi phí in tài liệu phục vụ phát hành cổ phiếu

Quỹ đầu tư phát triển: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh phục vụ mục đích đầu tư phát triển của Công ty

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	32.677.554	31.093.819
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	904.304.749	182.280.743
Các khoản tương đương tiền (i)	2.081.249.754	552.527.778
Cộng	3.018.232.057	765.902.340

Ghi chú:

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đây là khoản phải thu tiền bán điện cho Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, số phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.286.561.470 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 1.486.639.849 đồng).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.986.313.292	9.954.863.292
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06	6.219.114.572	6.219.114.572
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Thành Nam	1.680.157.810	1.680.157.810
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ và Thương mại VN	1.929.970.547	1.929.970.547
Các khách hàng khác	157.070.363	125.620.363

Do giá trị quyết toán của Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt được duyệt có sự thay đổi giảm so với dự toán cũng như thấp hơn số dư công nợ đã xuất hóa đơn nên các nhà thầu chưa thống nhất quyết toán phần thực hiện dự án cũng như chưa xác nhận đối chiếu số dư công nợ với Công ty. Hiện tại Công ty đã khởi kiện các nhà thầu này ra Tòa án Dân sự để giải quyết tranh chấp và thu hồi công nợ; Phán quyết cuối cùng của Tòa án sẽ là cơ sở để Công ty tiếp tục làm việc với các nhà thầu để thống nhất xác nhận đối chiếu số dư và thu hồi công nợ trong thời gian tới.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	230.649.221	-	445.347.221	-
Tạm ứng	157.300.000	-	372.000.000	-
Ký quỹ ký cược	396.804	-	394.804	-
Các đối tượng khác	72.952.417	-	72.952.417	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06</i>	<i>59.279.000</i>	<i>-</i>	<i>59.279.000</i>	<i>-</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>13.673.417</i>	<i>-</i>	<i>13.673.417</i>	<i>-</i>

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	67.081.653	-	49.317.587	-
Công cụ, dụng cụ	281.644.827	-	244.824.827	-
Cộng	348.726.480	-	294.142.414	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	301.023.792	239.887.477
Chi phí bảo hiểm nhà máy	293.857.125	239.887.477
Chi phí ngắn hạn khác	7.166.667	-
Dài hạn	1.758.522.513	1.907.727.405
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định	1.362.155.483	1.168.103.157
Chi phí trả trước dài hạn khác	396.367.030	739.624.248

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	71.214.897.582	17.286.569.430	19.498.694.403	69.502.746	108.069.664.161
Chi phí Quyết toán bổ sung	11.079.023	-	-	-	11.079.023
Số dư cuối năm	71.225.976.605	17.286.569.430	19.498.694.403	69.502.746	108.080.743.184
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	11.468.526.061	6.413.110.161	6.509.217.976	69.502.746	24.460.356.944
Khấu hao trong năm	2.375.107.841	1.151.987.964	1.306.383.036	-	4.833.478.841
Số dư cuối năm	13.843.633.902	7.565.098.125	7.815.601.012	69.502.746	29.293.835.785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	59.746.371.521	10.873.459.269	12.989.476.427	-	83.609.307.217
Số dư cuối năm	57.382.342.703	9.721.471.305	11.683.093.391	-	78.786.907.399

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.050.550.747 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 987.550.747 đồng).

Theo thuyết minh số 20, toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được cầm cố để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số 20140506-CIB-BK ngày 14 tháng 05 năm 2014.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại khu vực Nhà máy thủy điện Nậm Cắt do UBND tỉnh Bắc Kạn giao đất thực hiện dự án lâu dài nên Công ty không trích khấu hao. Nguyên giá của tài sản cố định vô hình này là 1.556.288.210 đồng.

Theo thuyết minh số 20, tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 20140506-CIB-BK ngày 14 tháng 05 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	2.289.918.908	2.289.918.908	1.531.683.924	1.531.683.924
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	2.289.918.908	2.289.918.908	1.531.683.924	1.531.683.924
Trong đó:				
Công trình “Cải tạo đường nội bộ từ đập tới văn phòng”	2.289.918.908	2.289.918.908	1.531.683.924	1.531.683.924

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	4.465.722.320	4.465.722.320	3.774.325.500	3.774.325.500
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ và Thương mại Việt Nam	1.610.480.439	1.610.480.439	1.610.480.439	1.610.480.439
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06	1.045.353.865	1.045.353.865	1.045.353.865	1.045.353.865
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Thành Nam	458.924.837	458.924.837	458.924.837	458.924.837
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội - Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	323.242.837	323.242.837	-	-
Tổng Công ty Sông Hồng	280.133.400	280.133.400	280.133.400	280.133.400
Đối tượng khác	747.586.942	747.586.942	379.432.959	379.432.959

Do giá trị quyết toán của Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt được duyệt có sự thay đổi giảm so với dự toán cũng như thấp hơn số dư công nợ đã xuất hóa đơn nên các nhà thầu chưa thống nhất quyết toán phần thực hiện dự án cũng như chưa xác nhận đối chiếu số dư công nợ với Công ty. Hiện tại Công ty đã khởi kiện các nhà thầu này ra Tòa án Dân sự để giải quyết tranh chấp và thu hồi công nợ; Phán quyết cuối cùng của Tòa án sẽ là cơ sở để Công ty tiếp tục làm việc với các nhà thầu để thống nhất xác nhận đối chiếu số dư và thu hồi công nợ trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	338.608.683	1.416.038.098	1.367.154.144	387.492.637
Thuế thu nhập cá nhân	13.417.555	40.796.322	36.430.390	17.783.487
Thuế tài nguyên	12.184.416	1.317.620.631	1.273.299.730	56.505.317
Các loại thuế khác	-	51.387.000	3.000.000	48.387.000
Cộng	364.210.654	2.825.842.051	2.679.884.264	510.168.441

	Số đầu năm	Số phải thu thêm	Số đã thu được hoặc khấu trừ	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	147.025.010	-	-	147.025.010
Cộng	147.025.010	-	-	147.025.010

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	104.594.014	121.362.717
Chi phí phải trả khác	39.097.006	39.097.006
Cộng	143.691.020	160.459.723

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	301.000	20.663.732
- Bảo hiểm xã hội	43.922.716	39.084.439
- Bảo hiểm y tế	15.325.897	14.466.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.226.600	3.791.482
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	147.381.500	157.181.500
- Lệ phí môi trường rừng	1.682.090.420	1.347.445.420
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	139.194.492	215.203.727
Cộng	2.032.442.625	1.797.836.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	17.240.771.471	17.240.771.471	9.851.869.600	4.925.934.800	22.166.706.271	22.166.706.271
	17.240.771.471	17.240.771.471	9.851.869.600	4.925.934.800	22.166.706.271	22.166.706.271

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng (Ngắn hạn)

Số phải trả sau 12 tháng (Dài hạn)

Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP BANK) theo Hợp đồng tín dụng số 20140506-CIB-BK ngày 14 tháng 5 năm 2014, số tiền cho vay tối đa là 35.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng, trả nợ vay hàng năm. Lãi suất vay theo thông báo của Ngân hàng. Mục đích sử dụng tiền vay: Tái tài trợ cho dư nợ dài hạn của bên vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) bao gồm gốc và lãi. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Hình thức bảo đảm tiền vay gồm:

- Thẻ chấp, cầm cố toàn bộ tài sản thuộc dự án thủy điện Nậm Cắt thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- Hợp đồng bảo lãnh của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch trả nợ cụ thể như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.925.934.800	4.925.934.800
Trong năm thứ hai	4.925.934.800	4.925.934.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.388.901.871	12.314.836.671
Cộng	17.240.771.471	22.166.706.271
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(4.925.934.800)	(4.925.934.800)
Số phải trả sau 12 tháng	12.314.836.671	17.240.771.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước được trình bày lại	85.236.000.000		52.904.862	(12.466.697.309)	72.822.207.553
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	169.946.840	169.946.840
Số dư đầu năm nay	85.236.000.000	-	52.904.862	(12.296.750.469)	72.992.154.393
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	423.972.290	423.972.290
Góp thêm vốn (i)	1.187.000.000	(38.679.273)	-	-	1.148.320.727
Số dư cuối năm nay	86.423.000.000	(38.679.273)	52.904.862	(11.872.778.179)	74.564.447.410

Ghi chú: (i) Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHCD ngày 12 tháng 06 năm 2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2016, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu trước khi phát hành: 85.236.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 118.700 cổ phần.
- Giá trị cổ phần phát hành thêm: 1.187.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu sau khi phát hành: 86.423.000.000 đồng.
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- Phương thức phân phối: Chào bán riêng lẻ.
- Đối tượng chào bán: Cá nhân, tổ chức do Hội đồng Quản trị lựa chọn đáp ứng các tiêu chí lựa chọn chào bán.
- Số lượng nhà đầu tư tham gia: Từ 99 nhà đầu tư trở xuống.
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong quý II năm 2017.
- Phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết: Trong trường hợp số cổ phiếu phát hành không được nhà đầu tư mua hết, Đại Hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phân phối cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu mua với giá không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư mua đợt đầu. Trong trường hợp vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng Quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
- Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phần phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ thời điểm hoàn thành đợt chào bán.

Theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 06 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2017 như sau:

- Tổng số cổ phần chào bán: 118.700 cổ phần.
 - + Số cổ phần đã được cổ đông nộp tiền mua: 118.700 cổ phần.
 - + Số cổ phần lẻ và không phân phối hết: 0 cổ phần.
 - + Tổng số tiền đã thu được từ đợt chào bán: 1.187.000.000 đồng.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Danh sách cổ đông đã góp vốn: 98 cổ đông.

Trong đó:

 - + Cổ đông riêng lẻ: 97 cổ đông.
 - + Cổ đông hiện hữu - Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng: 01 cổ đông.

Tình hình sử dụng vốn tăng thêm đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017: Tổng số 353.348.339 đồng, trong đó:

- + Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bổ sung khu vực lòng hồ: 173.449.066 đồng.
- + Mua vật tư thiết bị thay thế: 71.220.000 đồng.
- + Chi phí cổ phần hóa: 38.679.273 đồng.
- + Thanh toán công nợ với Công ty CP Xây dựng Sông Hồng: 70.000.000 đồng.

Giá trị còn lại chưa sử dụng(nằm trong số dư TK tiền): 833.651.661 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 21 tháng 06 năm 2017 với tổng số vốn điều lệ là 86.423.000.000 đồng. Vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Vốn đã góp đến ngày cuối năm	
	VND	(%)
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	81.436.000.000	94,23
Công ty Cổ phần 19-8	1.000.000.000	1,16
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	2.870.000.000	3,32
Cá nhân khác	1.117.000.000	1,29
Cộng	86.423.000.000	100,00

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện	18.014.246.744	16.917.326.988
Doanh thu dịch vụ	-	1.318.500.000
Cộng	18.014.246.744	18.235.826.988

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hoạt động sản xuất điện	12.497.974.271	11.630.864.328
Giá vốn dịch vụ	-	1.315.173.063
Cộng	12.497.974.271	12.946.037.391

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.353.097.940	4.922.254.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.833.478.841	4.841.119.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	720.452.318	523.586.420
Chi phí khác bằng tiền	6.169.270.529	6.238.655.148
Cộng	16.076.299.628	16.525.616.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh lãi tiền gửi trong năm 2017 là 38.659.274 đồng (năm 2016 là 42.386.791 đồng).

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh lãi tiền vay năm 2017 với số tiền 1.552.634.100 đồng (năm 2016 là 1.835.433.426 đồng).

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	1.075.254.000	788.168.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	334.840.860	331.240.649
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	12.750.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.847.622	158.276.702
Các khoản chi phí QLDN khác	1.870.382.875	2.289.142.533
Cộng	3.578.325.357	3.579.578.849

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	423.972.290	169.946.840
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	-	-
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
Chuyển lỗ	423.972.290	169.946.840
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Trong năm 2017, Công ty xác định thu nhập chịu thuế không có sự khác biệt với lợi nhuận trước thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Số lỗ được chuyển tại ngày cuối năm:

Năm phát sinh lỗ	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế (VND)	Số lỗ đã chuyển (VND)	Số lỗ còn được chuyển (VND)
2012	2013 - 2017	3.200.222.953	818.837.045	2.381.385.908
2013	2014 - 2018	2.729.968.422	-	2.729.968.422
2014	2015 - 2019	2.037.740.886	-	2.037.740.886
Cộng		7.967.932.261	818.837.045	7.149.095.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	423.972.290	169.946.840
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	423.972.290	169.946.840
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	8.529.502	8.523.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	50	20
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

28. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	775.234.000	700.882.400

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.018.232.057	765.902.340
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.517.210.691	1.931.987.070
Cộng	4.535.442.748	2.697.889.410
Công nợ tài chính		
Vay và nợ	17.240.771.471	22.166.706.271
Phải trả người bán, phải trả khác	6.498.164.945	5.572.161.800
Chi phí phải trả	143.691.020	160.459.723
Cộng	23.882.627.436	27.899.327.794

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	17.240.771.471	22.166.706.271
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.018.232.057	765.902.340
Nợ thuần	14.222.539.414	21.400.803.931
Vốn chủ sở hữu	86.423.000.000	85.236.000.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,16	0,25

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phát sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phát sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.018.232.057	-	3.018.232.057
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.517.210.691	-	1.517.210.691
Cộng	4.535.442.748	-	4.535.442.748
 Vay và nợ	 4.925.934.800	 12.314.836.671	 17.240.771.471
Phải trả người bán, phải trả khác	6.498.164.945	-	6.498.164.945
Chi phí phải trả	143.691.020	-	143.691.020
Cộng	11.567.790.765	12.314.836.671	23.882.627.436
Chênh lệch thanh khoản ròng	(7.032.348.017)	(12.314.836.671)	(19.347.184.688)
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	765.902.340	-	765.902.340
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.931.987.070	-	1.931.987.070
Cộng	2.697.889.410	-	2.697.889.410
 Vay và nợ	 4.925.934.800	 17.240.771.471	 22.166.706.271
Phải trả người bán, phải trả khác	5.572.161.800	-	5.572.161.800
Chi phí phải trả	160.459.723	-	160.459.723
Cộng	10.658.556.323	17.240.771.471	27.899.327.794
Chênh lệch thanh khoản ròng	(7.960.666.913)	(17.240.771.471)	(25.201.438.384)

Ban điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG NỢ VÀ KHOẢN LỖ TIỀM TÀNG

Trong năm 2010, Công ty đã nhận lại các khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Cát theo hợp đồng sáp nhập, theo đó Công ty có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện đối với các khoản công nợ nhận bàn giao. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản công nợ phải trả Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng với số tiền là 280.133.400 đồng, Công ty chưa nhận đủ các chứng từ ghi nhận công nợ từ Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Cát tại thời điểm sáp nhập, do đó số dư công nợ phải trả nêu trên có thể thay đổi khi Công ty đối chiếu và xác nhận số nợ chính thức với Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 41.702.925 đồng (Năm 2016: 78.428.823 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Phạm Thị Doan
Người lập
Bắc Kạn, ngày 05 tháng 03 năm 2018



Lê Quang Dũng
Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Bình
Giám đốc